

Bản án số: 35/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 18/5/2022

V/v ly hôn giữa chị Đ và anh T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* ông Đinh Đức Cảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Đinh Hồng Sâm, ông Trương Ngọc Nhân

**- Thư ký phiên toà:** ông Cao Lương Bằng – Thư ký Tòa án

**- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên toà:** ông Tô Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/HNGĐ – TLST ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* chị Cao Thị Đ; sinh năm 1986

Địa chỉ: bản H, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

*2. Bị đơn:* anh Cao Xuân T; sinh năm 1986

Địa chỉ: bản H, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: tiểu khu 1, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

Ông Nguyễn Tất T – phó giám đốc là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/02/2022); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2022 và trong biên bản lấy lời khai cũng như tại quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị Đ trình bày:*

- về hôn nhân: chị và anh T kết hôn năm 2009 tại UBND xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Quá trình chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, không cùng quan điểm sống, sống không hợp nhau, anh T thường xuyên uống rượu, về nhà đánh đập chị Đ, luôn bỏ bê gia đình không chăm lo cho con cái, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh T.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao Bá C, sinh ngày 26/02/2011 hiện tại con đang ở với chị Đ, nguyện vọng của chị Đ là xin được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đ.

- tài sản chung: không có

- nợ chung: hai vợ chồng có vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình số tiền 40.000.000 đ. Đề nghị Tòa án chia đôi số nợ chung này.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:* ngày 18/01/2018, bà Cao Thị Đ và anh Cao Xuân T vay vốn chương trình hộ nghèo tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, số tiền vay 40.000.000 đ, lãi suất 6,6%/năm, hạn trả nợ 18/01/2023. Nợ lãi chưa trả đến ngày 04/3/2022 là 5.850.000 đ, tổng dư nợ là 45.850.000 đ. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết ly hôn giao tài sản là nhà ở, đất ở hay tài sản khác của hộ gia đình ông Cao Xuân T hoặc bà Cao Thị Đ thừa hưởng thì phải giao trách nhiệm trả món nợ vay số tiền 45.850.000 đ và nợ lãi phát sinh cho người đó.

Tại bản tự khai ngày 04/3/2022, cháu Cao Bá C có nguyện vọng được ở với chị Đào.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do anh T không đến Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tòa án đã lấy lời khai của anh T tại bản Hóa Lương, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, nội dung: về quan hệ hôn nhân: đồng ý ly hôn với chị Đ. Về con chung: hai vợ chồng có 01 con chung là Cao Bá C, sinh ngày 26/02/2011 cháu

muốn ở với ai thì tùy ý kiến của cháu. Tài sản chung: không có. Nợ chung: hai vợ chồng có vay tại Phòng gia dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình số tiền 40.000.000 đ, đề nghị Tòa án chia đôi số nợ chung này.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông T trình bày: dư vợ vay đến ngày 18/5/2022 của anh T và chị Đ là 46.410.000 đ, Trong đó nợ gốc là 40.000.000 đ và lãi là 6.410.000 đ.

Tại phiên tòa:

Chị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung: nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con là Cao Bá C, sinh ngày 26/02/2011, yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đ. Tài sản chung: không có. Nợ chung: đề nghị chia đôi số nợ vay tại Phòng gia dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình số tiền 40.000.000 đ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- về nội dung: về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Cao Thị Đ và anh Cao Xuân T; về con chung: giao con chung là Cao Bá C cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đ; về tài sản chung: không có nên không xem xét. Nợ chung: chia đôi số nợ vay tại Phòng gia dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình số tiền 46.410.000 đ, chị Đ và anh T mỗi người trả số tiền vay cả gốc và lãi số tiền 23.205.000 đ; chị Đ, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: chị Đ yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh T, tranh chấp trong vụ án là quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại bản Hóa Lương, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

Bị đơn, người có quyền lợi liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Đ và anh T kết hôn với nhau vào năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Đ: vợ chồng chị Đ và anh T không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2021. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại biên bản lấy lời khai anh T cũng đồng ý ly hôn nhưng do anh T không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa mà Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự, chị Đ và anh T thuận tình ly hôn.

[4]. Về con chung: hai vợ chồng có 01 con chung Cao Bá C, sinh ngày 26/02/2011, Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại con đang ở chị Đ, cháu C có nguyện vọng ở với chị Đ, chị Đ cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu C cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 82 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình buộc anh Cao Xuân T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi chung là cháu Cao Bá C mỗi tháng 500.000 đ cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

[5]. Về tài sản chung: không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về khoản vay nợ chung: đối với khoản vay số tiền 46.410.000 đ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, chị Đ, anh T đều đề nghị chia đôi số nợ vay, Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu chia đôi số

nợ là hợp lý của chị Đ và anh T là hợp lý nên cần buộc chị Đ và anh T mỗi người phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình số tiền 23.205.000 đ và lãi phát sinh.

[7]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, e khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đ, anh T phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 116 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, e khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Cao Thị Đ ly hôn anh Cao Xuân T.
2. Về quan hệ con chung: giao con chung là cháu Cao Bá C, sinh ngày 26/02/2011 cho chị Cao Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Cao Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Cao Bá C, sinh ngày 26/02/2011 mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu Cường đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia

đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung: không có nên Tòa không xét.

4. Về quan hệ nợ chung: xác định khoản nợ vay 46.410.000 đ của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa là nợ chung của chị Đ, anh T. Buộc chị Cao Thị Đ và anh Cao Xuân T mỗi người phải trả 23.205.000đ (hai mươi ba triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng) số tiền gốc và lãi phát sinh của khoản nợ vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

5. Về án phí: chị Cao Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0000564 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Án phí cấp dưỡng định kỳ: anh Cao Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí phân chia nợ chung: chị Đ và anh T mỗi người phải chịu 1.160.000 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/5/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi

hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Hóa Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Đinh Đức Cảnh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**